

Bản án số: 99/2023/HS-ST
Ngày 03-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thế Căn và bà Đinh Thanh Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: bà Lục Thanh Hương, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Vũ Huy Long và ông Bùi Tuấn N - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023 đối với:

- Bị cáo: Phạm Ngọc T, sinh ngày 29/01/2001, tại M, Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn D, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 24 tháng 6 năm 2023, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Việt D, sinh năm 1995; nơi cư trú: khu A, phường B, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Quang T2, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn D, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác: người chứng kiến Hoàng Quốc Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: tối ngày 24/6/2023, Phạm Ngọc T đang ở nhà tại thôn D, xã H, thành phố M thì được đối tượng (theo T khai tên là Phạm Hữu T3 sinh năm 1993, cùng trú tại thôn D, xã H) gọi điện thoại rủ đi mua ma túy “đá” về cùng nhau sử dụng, T đồng ý. T3 bảo T đi đến khu vực cây xăng H1 ở K, xã H, thành phố M

gặp T3 lấy tiền và điện thoại di động để đi mua ma túy. Ngay sau đó, T đi đến nhà anh Phạm Quang T2 (sinh năm 1987 cùng trú tại thôn D, xã H) hỏi mượn của anh T2 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 14K1-205.26 để đi đến gặp T3. Do xe mô tô sắp hết xăng nên anh T2 đưa cho T 100.000 đồng để nhờ đổ xăng. T nhận tiền cùng xe mô tô rồi đi đến điểm hẹn gặp T3 thì được T3 đưa cho 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0793.311.383 và số tiền 500.000 đồng để mua ma túy. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đi đến trung tâm thành phố M và liên lạc đến số điện thoại 0898.036.421 gặp 01 người thanh niên (không rõ lai lịch, địa chỉ), đặt mua 600.000 đồng ma túy “đá”. Người thanh niên đồng ý bán và hẹn T đến quán điện tử “Nét ngã 5” ở tổ D, khu H, phường N, thành phố M để giao dịch. Khoảng 21 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô đi đến điểm hẹn, gặp và mua của người thanh niên 01 túi ma túy “đá” được giấu trong vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long, với giá 600.000 đồng. Sau khi mua, T cầm bao thuốc lá có chứa túi ma túy chuẩn bị đi về, thì bị Tổ công tác của Công an phường N, thành phố M kiểm tra phát hiện, bắt quả tang. Vật chứng thu giữ của T: 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long, bên trong đựng 01 túi nilon miệng túi có khóa kẹp nhựa, kích thước (3x2)cm chứa chất tinh thể màu trắng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0793.311.383; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0384.999.065 và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 14K1-205.26.

Tại bản Kết luận giám định số 895 ngày 30/6/2023, của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: Chất tinh thể màu trắng thu giữ của Phạm Ngọc T là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,664 (không phải sáu trăm sáu bốn) gam.

Quá trình điều tra, Phạm Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 94/CT-VKSMC ngày 11/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: bị cáo Phạm Ngọc T từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/6/2023.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo thu nhập không ổn định.

Về vật chứng của vụ án: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 0,61gam ma túy Methamphetamine hoàn lại sau giám định.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) vỏ bao thuốc lá bên ngoài có in chữ “Thăng Long”.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu màu vàng, bên trong gắn 01 sim số 0793311383.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu màu trắng, bên trong gắn 01 sim số 0384999065.

- Trả lại cho anh Phạm Quang T2 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 14K1-205.26.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Việt D, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra có lời khai thể hiện: trước đây anh có sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 14K1-205.26 đăng ký mang tên anh. Năm 2018, anh đã bán chiếc xe máy nói trên cho anh Phạm Quang T2, địa chỉ: thôn D, xã H, thành phố M với giá 27.000.000 đồng. Việc mua bán có giấy tờ, nhưng anh không còn giữ lại giấy mua bán. Việc mua bán hoàn toàn tự nguyện đảm bảo đúng quy định pháp luật dân sự. Mặc dù, chiếc xe trên chưa làm thủ tục đăng ký tên anh T2 nhưng là tài sản thuộc sở hữu của anh T2. Do vậy, anh T2 là người toàn quyền quyết định đến chiếc xe máy nói trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Quang T2, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra có lời khai và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt có quan điểm: ngày 24/6/2023 Phạm Hữu T3 (là người cùng thôn) gọi điện cho anh, bảo cho T mượn xe máy để T đi lấy ít đồ giúp cho T3. Anh đồng ý và giao cho T chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 14K1-205.26. Anh không biết T mượn xe để đi mua ma túy về sử dụng, đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh, để phục vụ công việc gia đình. Anh đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho anh chiếc xe máy nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc T đã thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái đã truy tố là đúng. Lời nói sau cùng bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái truy tố đối với bị cáo: tại phiên tòa bị cáo Phạm Ngọc T khai báo thành khẩn về

hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án: như biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: tối ngày 24/6/2023, Phạm Ngọc T được đối tượng Phạm Hữu T3 sinh năm 1993, cùng trú tại thôn D, xã H gọi điện thoại rủ đi mua ma túy “đá” về cùng nhau sử dụng, T đồng ý. T đi đến gặp T3 và được T3 đưa cho 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và số tiền 500.000 đồng để mua ma túy. Khoảng 21 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô đi đến điểm hẹn, gặp và mua của người thanh niên 01 túi ma túy “đá”. Sau khi mua, T cầm bao thuốc lá có chứa túi ma túy chuẩn bị đi về, thì bị Tổ công tác của Công an phường N, thành phố M kiểm tra phát hiện, bắt quả tang. Hành vi của Phạm Ngọc T đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự như kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: khi bị bắt quả tang, lực lượng Công an phát hiện trên tay phải của bị cáo 01 bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long trong bao thuốc lá có một túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng. Tại Kết luận giám định số 895 ngày 30/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận chất tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng 0,664gam do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt là “...Methamphetamine...có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về ma túy, là một trong nguyên nhân chính làm gia tăng các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng đến an ninh trật tự địa phương. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vẫn thực hiện, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Nên cần đưa bị cáo ra xét xử nghiêm mới có tác dụng giáo dục, ngăn chặn và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt chính: từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cần thiết ấn định mức hình phạt trong khung hình phạt đã truy tố đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo thu nhập không ổn định, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) phong bì đựng mẫu vật là chất ma túy Methamphetamine hoàn lại sau giám định được niêm phong theo đúng quy định. Đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) vỏ bao thuốc lá màu vàng, bên ngoài có in chữ “Thăng Long”. Đây là vật không có giá trị, không sử dụng được cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, bên trong gắn 01 sim số 0384.999.065 là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo, bị cáo sử dụng liên lạc với Phạm Hữu T3 để thống nhất địa điểm gặp nhau để T3 đưa tiền cho bị cáo mua ma túy, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, bên trong gắn sim số 0793.311.383, bị cáo sử dụng liên lạc với người bán ma túy, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ đen, biêm kiểm soát 14K1-205.26 đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Phạm Quang T2, anh T2 không biết bị cáo mượn dùng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho anh Phạm Quang T2.

[10] Ngoài ra, liên quan trong vụ án có đối tượng bán ma túy cho T, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý. Đối với Phạm Hữu T3 qua xác minh hiện vắng mặt tại nơi cư trú. Tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ kết luận Thao đồng phạm với bị cáo về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ xử lý sau.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo đối với bản án: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phạm Ngọc T 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 24/6/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 của Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy 0,61gam ma túy Methamphetamine hoàn lại sau giám định đựng trong một phong bì được niêm phong theo đúng quy định. Mặt trước phong bì ghi “Công an tỉnh Q - Phòng K số 895/KL-KTHS. Mẫu vật hoàn lại theo Kết luận giám định số 895/KL-KTHS ngày 30/6/2023”.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) vỏ bao thuốc lá màu vàng, bên ngoài in chữ “Thăng Long”.

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, màn hình bị nứt vỡ, số Imei 1: 355338085254857, gắn sim số 0384.999.065. Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, số Imei: 354836099147125, gắn sim số 0793.311.383. Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- Trả lại cho anh Phạm Quang T2 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ đen, biển số 14K1-025.26, số máy: JF66E-0790105, số khung: RLHJF5819GY518469, xe cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng số vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng số 06/2024/THA, ngày 12/10/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố M, tỉnh Quảng Ninh và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Phạm Ngọc T phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: áp dụng khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp Quảng Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- CQĐT Công an cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Cơ quan THAHS Công an cùng cấp;
- Bộ phận HSNV Công an cùng cấp;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đình Khoa